UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU DI TÍCH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG MIỀN NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 74 /QĐ-BQL

Tây Ninh, ngày 24 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai tình hình sử dụng kinh phí quý IV và năm 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp được nhà nước cấp kinh phí;

Căn cứ Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Thông báo số 23/TB-STC ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Sở Tài chính về kết quả kiểm tra phân bổ dự toán ngân sách năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-BQL ngày 10/01/2023 của Giám đốc Ban quản lý các khu Di tích lịch sử cách mạng miền Nam về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ vào Bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại Kho bạc nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của phòng Tổ chức – Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai tình hình sử dụng kinh phí quý IV và năm 2023 của Ban quản lý các khu di tích lịch sử cách mạng miền Nam *(Báo cáo kèm theo).*

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Phòng: Tổ chức - Hành chính và phòng Quản lý và khai thác di tích tổ chức thực hiện theo Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- Ban Giám đốc BQL;
- Phòng TC – HC và Phòng QL&KTDT;
- Lưu: VT.BQL .

GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU DI TÍCH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG MIỀN NAM

Phan Thanh Nhàn

Mã chương: 599
Đơn vị: Ban quản lý các khu DT LSCMMN
Mã ĐVQHNS: 1027965
Mã cấp NS: 2

BÁO CÁO
CÔNG KHAI TÀI CHÍNH QUÝ IV VÀ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 74/QĐ-BQL ngày 24/01/2024
của Ban quản lý các khu Di tích lịch sử cách mạng miền Nam)

STT	Nội dung	Số được giao	Số thực hiện quý IV năm 2023	Số thực hiện năm 2023	Tồn	Tỷ lệ
I	**Kinh phí không giao quyền tự chủ**	**9.659.605.000**	**4.600.822.544**	**8.761.610.603**	**897.994.397**	**90.70**
	Chi lương, các khoản phụ cấp		487.464.576	1.839.669.682		
	Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ		77.534.016	312.998.544		
	Các khoản thanh toán cho cá nhân (tiền ăn)		142.000.000	573.000.000		
	Các khoản dịch vụ công cộng (Điện, nước, xăng , dầu,…)		50.488.424	154.583.561		
	Các khoản chi khoán phương tiện theo chế độ		117.416.584	439.238.102		
	Chi văn phòng phẩm, vật tư văn phòng		63.892.000	147.258.500		
	Chi các khoản thông tin, tuyên truyền (Cước phí, internet, mytivi)		2.745.000	11.730.911		
	Chi thanh toán công tác phí		27.962.000	40.022.000		
	Chi thuê phương tiện vận chuyển		10.950.800	13.920.800		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		1.776.669.496	1.927.049.196		
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		78.260.000	78.260.000		
	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành		1.712.788.248	3.156.801.107		
	Chi khác		43.686.000	43.686.000		

	Chi công tác Đảng và tổ chức đại hội Đảng		8.965.400	23.392.200		
II	**Kinh phí giao quyền tự chủ**	**2.718.300.000**	**1.046.967.133**	**2.718.300.000**	**0**	**100.00**
	Chi lương, các khoản phụ cấp		433.369.249	1.657.487.661		
	Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ		83.407.183	333.593.020		
	Khen thưởng đột xuất, cuối năm		36.540.000	42.351.000		
	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ		407.161.728	407.161.728		
	Các khoản dịch vụ công cộng (Điện, nước, xăng , dầu,…)		33.570.426	71.704.451		
	Chi văn phòng phẩm, vật tư văn phòng		6.296.000	11.569.000		
	Chi các khoản thông tin, tuyên truyền (Cước phí, internet, mytivi)		4.645.627	15.158.365		
	Khoán điện thoại		2.850.000	11.400.000		
	Chi thanh tóan công tác phí		28.830.000	69.630.000		
	Chi phí thuê mướn		1.200.000	21.630.000		
	Chi sửa chữa thường xuyên (xe ô tô, máy vi tính, máy photo ....)		6.928.420	32.028.420		
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		0	30.000.000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn		2.000.000	2.000.000		
	Chi khác (Bảo hiểm xe, lệ phí, tiếp khách, nước uống....)		168.500	12.586.355		
III	**Chi tiền Tết Nguyên đán 2023**	**33.600.000**	**33.600.000**	**33.600.000**	**0**	**100.00**
IV	**Chi bảo vệ và hỗ trợ phòng chống cháy rừng**	**164.000.000**	**129.471.440**	**163.719.440**	**280.560**	**99.83**
V	**Chi cải cách tiền lương tự chủ**	**59.000.000**	**57.619.656**	**57.619.656**	**1.380.344**	**97.66**
VI	**Chi cải cách tiền lương không tự chủ**	**51.000.000**	**0**	**0**	**51.000.000**	**0.00**
	Tổng cộng	**12.685.505.000**	**5.868.480.773**	**11.734.849.699**	**950.655.301**	**92.51**

Tây Ninh, ngày 24 tháng 01 năm 2024

LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Hồng Cẩm

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU DI TÍCH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG MIỀN NAM

Phan Thanh Nhàn